TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** TỈNH BÌNH THUẬN ------- -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------- ---------

Bản án số: 42/2019/DS-ST
Ngày: 28/11/2019.
V/v : "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Võ Chí Công** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Công H** - sinh năm 1987.
Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 2000. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đinh Đức Đ** – Luật sư, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. C. M.

- Bị đơn: Bà **Vũ Thị Minh T** - sinh năm 1974. Vắng mặt không lý do.
Cư trú: Khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
HKTT: Khu phố 1, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30.5.2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Công H - ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong năm 2017, bà Vũ Thị Minh T nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị Công H để đầu tư làm ăn. Đến ngày 20.11.2017, bà T thống kê và viết giấy xác nhận nợ tổng cộng số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Bà T cam kết sẽ trả lại số tiền khi bà H yêu cầu.

Tháng 01/2018, bà H cần tiền để xoay sở công việc, nên đã yêu cầu bà T trả nợ, nhưng bà cứ hẹn hết lần này đến lần khác, không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 13.9.2019, bà T chuyển trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) gốc qua ngân hàng. Hiện nay bà T còn nợ bà H số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Nay, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị Minh T phải trả số tiền 680.000.000 và buộc bà T phải chịu lãi nợ quá hạn đối với số tiền gốc tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, cụ thể:

Từ tháng 02.2018 đến ngày 13.9.2019 là 19 tháng 13 ngày: 700.000.000 đồng x 0,83 % x 19 tháng 13 ngày = 112.907.000 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Từ ngày 13.9.2019 đến ngày 28.11.2019 (ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm) là 02 tháng 15 ngày: 680.000.000 đồng x 0,83 % x 02 tháng 15 ngày = 14.110.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm mười nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bà Hạnh yêu cầu bà Vũ Thị Minh Thảo phải trả là 680.000.000 đồng + 112.883.000 đồng + 14.110.000 đồng = 807.017.000 đồng (Tám trăm lẻ bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) và yêu cầu bà T phải trả một lần khi có Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Bà Vũ Thị Minh T.

Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng bà T không chấp hành. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đinh Đức Đ** – Luật sư đề nghị HĐXX: Căn cứ giấy mượn tiền lập ngày 20.11.2017, thể hiện: Bà Vũ Thị Minh T có mượn tiền của bà Phạm Thị Công H số tiền 700.000.000 đồng, ngày 13.9.2019, bà T có nhờ người chuyển khoản tại Ngân hàng Sacombank trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng gốc, số tiền còn nợ bà H là 680.000.000 đồng gốc. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Vũ Thị Minh T phải trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền 680.000.000 đồng và tiền lãi suất mà đại diện của nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thời hạn thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử là đúng theo quy định của pháp luật, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bà Vũ Thị Minh T phải trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền 680.000.000 đồng và tiền lãi suất mà đại diện của nguyên đơn yêu cầu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 680.000.000 đồng và tiền lãi là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 680.000.000 đồng gốc và tiền lãi theo giấy mượn tiền lập ngày 20.11.2017. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là tờ giấy mượn tiền lập ngày 20.11.2017, thể hiện: Bà Vũ Thị Minh T có mượn tiền của bà Phạm Thị Công H số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), trong giấy không thể hiện lãi suất và thời hạn trả tiền. Quá trình giải quyết, nguyên đơn khai khi bà T vay tiền có cam kết sẽ trả lại số tiền khi bà H yêu cầu. Tháng 01/2018, bà H cần tiền để xoay sở công việc, nên đã yêu cầu bà T trả nợ, nhưng bà cứ hẹn hết lần này đến lần khác, không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 13.9.2019, bà T có nhờ người chuyển khoản tại Ngân hàng Sacombank trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) gốc theo tờ giấy Số phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn có xác nhận của Ngân hàng do bà H cung cấp. Như vậy, bà T còn nợ bà H số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng bà T không chấp hành. Theo biên bản xác minh và căn cứ Công văn số: 120/CV-CAP ngày 09.10.2019 của Công an phường Phước Hội, thị xã L trả lời thì bà Vũ Thị Minh T cư trú tại khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; HKTT: Khu phố 1, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, từ đầu năm 2019 đến nay bà T không còn cư trú tại khu phố 2, phường Phước Hội, thị xã L. Hiện nay bà T cư trú, sinh sống ở đâu Công an phường không rõ. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét

thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bà Vũ Thị Minh T phải trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng) là phù hợp.

[5] Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 02.2018 với mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là có căn cứ chấp nhận, cụ thể :

Từ tháng 02.2018 đến ngày 13.9.2019 là 19 tháng 13 ngày, là 583 ngày: 700.000.000 đồng x 0,83 % x 583 ngày : 30 = 112.907.000 đồng (Một trăm mười hai triệu chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Từ ngày 13.9.2019 đến ngày 28.11.2019 (ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm) là 02 tháng 15 ngày, là 75 ngày: 680.000.000 đồng x 0,83 % x 75 ngày : 30 = 14.110.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm mười nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bà H yêu cầu bà Vũ Thị Minh T phải trả là 680.000.000 đồng + 112.907.000 đồng + 14.110.000 đồng = 807.017.000 đồng (Tám trăm lẻ bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị Công H theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Vũ Thị Minh T phải trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền đồng 807.017.000 đồng (Tám trăm lẻ bảy triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

2. Án phí:

Bà Vũ Thị Minh T phải chịu 36.210.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Công H số tiền 17.743.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022367 ngày 16.7.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28.11.2019). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn